

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Nguyễn Hoàng Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 971/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Tô K H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn V X, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Tô K H trình bày:*

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2001 bà và ông Nguyễn V X chung sống vợ chồng với nhau, có tổ chức đám cưới theo truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên do công việc cũng như về kinh tế của gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Ông X có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà và gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng không thành, ông X có hành vi bóp cổ bà trước mặt cha mẹ hai bên và đánh đập bà. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn N T, sinh năm 2001 và Nguyễn T N, sinh năm 2003. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn T N, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Ng T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn V X:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông X vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn V X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông X theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Tô K H và ông Nguyễn V X chung sống vợ chồng với nhau vào khoảng năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông X là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật. Nay bà H yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông X nên Tòa án không công nhận bà H và ông X là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông X có 02 người con chung tên Nguyễn N T, sinh năm 2001 và Nguyễn T N, sinh năm 2003. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn T N, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn N T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Mặc dù, hôn nhân giữa bà H và ông X là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nhưng quyền và nghĩa vụ của người chung sống với nhau như vợ chồng đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng, đối với cháu Nguyễn N T đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nguyễn T N có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Do đó, để đảm bảo cho con chung được ổn định về cuộc sống nên giao cháu Nguyễn T N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông X không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Tô K H và ông Nguyễn V X là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn T N, sinh năm 2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông X không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có.

**4.** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11/12/2019 bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001130 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã H, TP. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**